

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

- Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất - Quý I/ 2017 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. (Báo cáo đính kèm).
- Giải trình về việc kết quả kinh doanh quý I/2017: Báo cáo tài chính hợp nhất tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm trước của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (đính kèm công văn số 513/CN ngày 27/4/2017).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/4/2017 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân

Người được ủy quyền
công bố thông tin



Lê Duy Diệp

**TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 513 /CN
V/v Kết quả kinh doanh tăng hơn 10%
so với cùng kỳ năm trước

Đồng Nai, ngày 27 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**
2. Mã chứng khoán niêm yết : **DNW**

Công ty CP Cấp nước Đồng Nai giải trình tình hình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I năm 2017 tăng hơn 10% so với Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I năm 2016 như sau:

A. Báo cáo tài chính riêng:

STT	NỘI DUNG	QUÝ I/2017	QUÝ I/2016	TĂNG (+) /GIẢM (-)	TỶ LỆ
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.801.946.647	20.758.399.079	5.043.547.568	24,30%

Nguyên nhân biến động:

Trong quý I năm 2017, Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ và Doanh thu tài chính tăng 5.474.274.069đ tương ứng 2,88%. Tuy nhiên, tổng Chi phí chỉ tăng 998.556.539đ tương ứng 0,61%. Vì vậy, Lợi nhuận trước thuế TNDN tăng 4.475.717.530đ tương ứng 17,25%. Ngoài ra, thuế TNDN phát sinh trong quý I năm 2017 giảm 567.830.038đ do Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

Tổng hợp các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 tăng 5.043.547.568đ, tương ứng 24,30%.

B. Báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	NỘI DUNG	QUÝ I/2017	QUÝ I/2016	TĂNG (+) /GIẢM (-)	TỶ LỆ
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.689.272.700	29.158.008.449	3.531.264.251	12,11%

Nguyên nhân biến động:

Trong quý I năm 2017, Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ và Doanh thu tài chính tăng 6.484.067.314đ tương ứng 3,06%. Đồng thời, tổng Chi phí tăng 3.897.203.931đ tương ứng 2,22%. Vì vậy, Lợi nhuận trước thuế TNDN tăng 2.586.863.383đ tương ứng 7,10%. Ngoài ra, thuế TNDN phát sinh trong quý I năm 2017 giảm 944.122.775đ do Công ty mẹ được hưởng ưu đãi thuế.

Tổng hợp các nguyên nhân trên, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 tăng 3.531.264.251đ, tương ứng 12,11%.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BGĐ
- Phòng TCKT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Phan Hùng

**TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2017**

KÍNH GỬI:

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		485.667.659.145	523.108.921.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		145.900.399.953	169.631.427.514
1. Tiền	111		41.413.954.178	35.754.174.738
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.486.445.775	133.877.252.776
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.682.203.249	292.448.837.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		113.508.109.848	125.071.514.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		140.110.750.937	147.001.481.227
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		20.000.000.000	20.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.406.292.690	2.718.792.068
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.342.950.226)	(2.342.950.226)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		43.198.990.840	43.265.148.148
1. Hàng tồn kho	141		43.198.990.840	43.265.148.148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.886.065.103	17.763.507.911
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.551.964.014	16.647.726.973
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	364.137.856
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		334.101.089	751.643.082
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.980.514.410.203	2.897.316.624.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác (*)	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định :	220		2.449.260.263.263	2.455.152.547.168
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.442.042.551.038	2.448.079.584.942
- Nguyên giá	222		3.854.713.237.036	3.818.882.132.916
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.412.670.685.998)	(1.370.802.547.974)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

